

Số: 31 /2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4333/TTr-STC ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc quy định mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 2. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa đã thực hiện trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ có hiệu lực và đã nộp tiền thuê đất thì không điều chỉnh theo Quy định này.

2. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa thực hiện kể từ thời điểm Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ có hiệu lực thì hành đến nay chưa được hưởng các chính sách ưu đãi về nghĩa vụ tài chính của chủ thể sử dụng đất thì đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hưởng các chính sách ưu đãi theo Quy định này.

### **Điều 3. Hiệu lực áp dụng**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hiệu lực áp dụng mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTNS. (47b)

ThaiTM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**Q. CHỦ TỊCH**



**Võ Tấn Đức**



**QUY ĐỊNH**

**Mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất  
tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(kèm theo Quyết định số 31 /2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể thao; môi trường.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và đủ điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thuộc danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi trong lĩnh vực đất đai đối với các dự án thực hiện xã hội hóa**

Các dự án thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn thuộc danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

## Chương II

### MỨC MIỄN TIỀN THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

#### **Điều 3. Mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

1. Mức miễn tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại khu vực đô thị (đã được giải phóng mặt bằng) được áp dụng như sau:

a) Đối với các phường thuộc khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa (các phường: Thanh Bình, Hòa Bình, Quang Vinh, Trung Dũng, Thống Nhất, Quyết Thắng, Tân Tiến): 08 năm.

b) Đối với các phường còn lại thuộc thành phố Biên Hòa: 10 năm.

c) Đối với các phường thuộc thành phố Long Khánh: 12 năm.

d) Đối với thị trấn thuộc các huyện: 14 năm.

2. Riêng đối với các cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo thì được kéo dài thời gian miễn tiền thuê đất thêm 05 năm so với thời gian tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 4. Quyền của chủ đầu tư thực hiện các dự án xã hội hóa**

1. Đối với việc hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xã hội hóa thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Được liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ.

3. Các dự án thực hiện xã hội hóa đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa thì được Nhà nước miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực.

#### **Điều 5. Nghĩa vụ của chủ đầu tư thực hiện các dự án xã hội hóa**

1. Phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai, đảm bảo thực hiện dự án đúng tiến độ đầu tư. Trường hợp chủ đầu tư thực hiện các dự án xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích thì việc xử lý vi phạm thực hiện như sau:

a) Trường hợp chủ đầu tư bị cơ quan nhà nước phát hiện sử dụng đất không đúng mục đích lần đầu thì bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và phải nộp ngân sách nhà nước các khoản tiền sau:

+ Tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất sai mục đích theo giá đất và chính sách thu tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho thuê đất.

+ Khoản tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Trường hợp sau khi bị phạt vi phạm hành chính về đất đai mà chủ đầu tư vẫn tiếp tục sử dụng đất không đúng mục đích thì nhà nước thực hiện thu hồi đất; Nhà nước không hoàn trả phần tiền thuê đất đã nộp của thời gian thuê đất còn lại (nếu có) và không bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất của dự án bị thu hồi.

c) Đối với trường hợp quy định tại tiết b điểm 4 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì chủ đầu tư phải nộp lại số tiền thuê đất được miễn theo chính sách và giá đất tại thời điểm được ưu đãi về đất và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn của pháp luật quản lý thuế.

2. Việc sử dụng đất thực hiện các dự án xã hội hóa phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn thuê đất nếu chủ đầu tư không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc bị giải thể hoặc chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được thuê cho Nhà nước.

3. Các dự án thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và các quyền thuê đất theo quy định sau:

- Đối với dự án xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền thuê đất trong một số năm thì dự án thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất theo số tiền thuê đất đã nộp vào giá trị tài sản của dự án đầu tư; được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuê trong phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với số tiền thuê đất phải nộp của thời gian nộp tiền thuê đất.

- Đối với dự án xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm thì dự án thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị của dự án đầu tư và không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất; không được thừa kế, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 6. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giám đốc các sở, ban, ngành quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực xã hội hóa gồm: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào các quy định hướng dẫn của Nhà nước (Chính phủ, các Bộ), các sở có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, phân loại các cơ sở đang hoạt động, nêu đủ tiêu chuẩn, điều kiện đã thực hiện xã hội hóa của ngành thì xác nhận là: “các dự án đã thực hiện xã hội hóa” để các cơ sở này được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước.

b) Định kỳ hàng quý, năm lập báo cáo tổng hợp kết quả triển khai thực hiện dự án xã hội hóa của ngành, tình hình hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính). Đồng thời báo cáo Bộ, ngành quản lý theo từng lĩnh vực.

c) Định kỳ hàng năm và năm (05) năm tiến hành xác định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các dự án xã hội hóa theo hướng sau:

- Việc xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các cơ sở xã hội hóa phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển các dự án xã hội hóa của địa phương.

- Nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các dự án xã hội hóa phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc từng lĩnh vực.

d) Khi lập hoặc điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành phải có danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất để thực hiện xã hội hóa.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn hồ sơ thủ tục, trình tự tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các dự án thực hiện xã hội hóa theo xác nhận của sở, ban, ngành quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực xã hội hóa đối với các dự án xã hội hóa được công nhận hoặc các dự án thực hiện xã hội hóa mới thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Công bố công khai quy định về hướng dẫn ưu đãi trong lĩnh vực đất đai đối với dự án thực hiện xã hội hóa.

c) Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các dự án thực hiện xã hội hóa về việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

d) Khi thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất của tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa.

đ) Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và tình hình thực tế của địa phương, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bồi

thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

e) Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thanh tra thường xuyên tình hình sử dụng đất tại các tổ chức, đơn vị có dự án thực hiện xã hội hóa; đề xuất xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai để thực hiện tốt Quy định này.

g) Định kỳ tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện xã hội hóa của ngành theo quý, năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

### 3. Sở Tài chính:

a) Là cơ quan Thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quy định này. Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các dự án xã hội hóa sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh của các cấp, ngành liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương.

b) Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý phân kinh phí trong trường hợp nhà đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư các dự án xã hội hóa có liên quan đến di sản văn hóa theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, tại khoản 2 Điều 3 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội.

b) Trường hợp dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao liên quan quy định tại Điều 10 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

### 5. Cục Thuế tỉnh:

a) Triển khai chính sách ưu đãi đầu tư về thuế đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

b) Kịp thời giải quyết chính sách ưu đãi đầu tư về thuế theo quy định của pháp luật về thuế và Quy định này.

c) Định kỳ tổng hợp báo cáo tiến độ, tình hình thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn theo quý, năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

6. Sở Xây dựng: Khi thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch chung xây dựng của tỉnh phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa.



7. UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh:

a) Việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương nhằm bảo đảm đủ quỹ đất cho phát triển các dự án xã hội hóa của địa phương.

b) Các phòng chuyên môn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xã hội hóa xác định và báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các dự án xã hội hóa.

c) Công bố công khai quy định về hướng dẫn ưu đãi trong lĩnh vực đất đai đối với các dự án thực hiện xã hội hóa.

d) Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành liên quan những vấn đề khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình nhà đầu tư triển khai dự án.

đ) Tạo quỹ đất sạch nhằm thu hút các dự án xã hội hóa thông qua việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng đối với trường hợp thu hồi đất sau khi quy hoạch, kế hoạch phát triển các cơ sở xã hội hóa của địa phương được xét duyệt mà chưa có công trình, dự án cụ thể. Đồng thời quản lý quỹ đất đã thu hồi. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với đất phục vụ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa do ngân sách nhà nước đảm bảo.

e) Giao cơ quan chuyên môn kịp thời tiếp nhận tài sản thuộc các dự án xã hội hóa mà người sử dụng đất không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất chuyển đi nơi khác phải trả lại đất cho nhà nước trước khi được cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

8. Tổ chức quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực xã hội hóa được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc trong lĩnh vực nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa báo về cho Giám đốc các sở, ban, ngành quản lý lĩnh vực phụ trách để phối hợp cùng Sở Tài chính xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành thì các sở, ban, ngành phải có trách nhiệm báo cáo và đề xuất ý kiến về Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.